

UBND TỈNH ĐỒNG NAI  
**SỞ Y TẾ**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2140 /SYT-VP  
V/v rà soát và chuẩn bị hồ sơ  
xếp hạng đơn vị sự nghiệp y tế

Đồng Nai, ngày 21 tháng 3 năm 2022

Kính gửi: Giám đốc các đơn vị trực thuộc Sở.

Căn cứ Công văn số 76/SNV-TCCQ ngày 11/3/2022 của Sở Nội vụ về việc bổ sung hồ sơ xếp hạng các đơn vị sự nghiệp y tế.

Để chuẩn bị cho Hội đồng xếp hạng các đơn vị sự nghiệp y tế của tỉnh thẩm định, đánh giá, xếp hạng các đơn vị sự nghiệp y tế, các đơn vị trực thuộc Sở tiến hành rà soát, kiểm tra, đánh giá qua thời gian thực hiện ở hạng được xếp tại đơn vị theo Thông tư số 23/2005/TT-BYT.

Sở Y tế đề nghị các đơn vị báo cáo, đánh giá thực trạng việc thực hiện Thông tư số 23/2005/TT-BYT ngày 25/8/2005 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn xếp hạng các đơn vị sự nghiệp y tế và gửi hồ sơ về Sở Y tế **trước ngày 23/3/2022** để tổng hợp trình Sở Nội vụ, gồm:

1. Tờ trình đề nghị xếp hạng của đơn vị.
2. Hồ sơ đề nghị xếp hạng của đơn vị sự nghiệp y tế (Tờ trình, bảng chấm điểm, tài liệu minh chứng số điểm đạt được, Quyết định xếp hạng gần nhất).

(Đính kèm phụ lục 1, 2, bảng tổng hợp điểm)

Sở Y tế đề nghị Giám đốc các đơn vị trực thuộc báo cáo gấp về Sở Y tế và qua địa chỉ Email: [dongnaisoyte@gmail.com](mailto:dongnaisoyte@gmail.com), nếu đơn vị gửi không đúng thời hạn hoàn toàn chịu trách nhiệm ./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Ban GD SYT;
- Các phòng CM SYT;
- Lưu: VT, VP.  
(BP-TCCB)



**Phan Huy Anh Vũ**

**TỔNG HỢP ĐIỂM XẾP HẠNG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP Y TẾ**

(Đính kèm Công văn số: ..... ngày ..... tháng ..... năm 2022 của .....)

STT	Đơn vị	Điểm và hạng hiện giữ		QĐ xếp hạng		Đề xuất xếp hạng ĐVSNTY 2021													Đề xuất xếp hạng	Ngày xếp lại hạng	Ghi chú (ghi điểm bắt buộc đối với các BV I, II)	
		Điểm	Hạng	Số QĐ	Ngày cấp	ĐK bắt buộc								Nhóm I	Nhóm II	Nhóm III	Nhóm IV	Nhóm V				Tổng điểm
						GD & PGĐ	TP & PP	TK & PK	ĐDT/HST /KTVT- Khoa lâm sàng	TP ĐD	TP TCKT	Ko có YS làm CT KBCB										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
1																						
...																						

**1. Xếp hạng bệnh viện:**

- Bệnh viện Hạng I: phải đạt từ 90 điểm trở lên và thỏa mãn các điều kiện bắt buộc như qui định tại mục 4 phần B dưới đây đối với BV Hạng I.
- BV Hạng II: phải đạt từ 70 đến dưới 90 điểm và thỏa mãn các điều kiện bắt buộc như qui định tại mục 4 phần B dưới đây đối với BV Hạng II.
- Bệnh viện Hạng III: phải đạt từ 40 đến dưới 70 điểm.
- Bệnh viện Hạng IV: dưới 40 điểm.

**2. Điểm đạt và xếp hạng đơn vị y tế dự phòng:**

- Đơn vị y tế dự phòng Hạng I: đạt từ 90 điểm trở lên
- Đơn vị y tế dự phòng Hạng II: đạt từ 70 đến dưới 90 điểm
- Đơn vị y tế dự phòng Hạng III: đạt từ 40 đến dưới 70 điểm
- Đơn vị y tế dự phòng Hạng IV: đạt dưới 40 điểm

UBND TỈNH ĐỒNG NAI  
SỞ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 761 /SNV-TCCQ  
V/v bổ sung hồ sơ xếp hạng các  
đơn vị sự nghiệp y tế

Đồng Nai, ngày 11 tháng 3 năm 2022

Kính gửi: Sở Y tế.

Sở Nội vụ nhận được Văn bản số 1421/SYT-VP ngày 23/02/2022 của Sở Y tế về việc xin ý kiến xếp hạng các đơn vị sự nghiệp y tế;

Liên quan đến nội dung này, Sở Nội vụ có ý kiến như sau:

Căn cứ Thông tư số 23/2005/TT-BYT ngày 25/8/2005 của Bộ Y tế về hướng dẫn xếp hạng các đơn vị sự nghiệp y tế và Quyết định số 181/2005/QĐ-TTg ngày 19/7/2005 của Thủ tướng Chính phủ về phân loại, xếp hạng các tổ chức sự nghiệp, dịch vụ công lập và Thông tư liên Bộ hướng dẫn phân loại, xếp hạng các tổ chức sự nghiệp công lập.

Sau khi rà soát hồ sơ đề nghị xếp hạng của Sở Y tế, Sở Nội vụ đề nghị đơn vị bổ sung hồ sơ đề nghị xếp hạng như sau:


- Tờ trình đề nghị xếp hạng lại của đơn vị quản lý chuyên ngành.
- Hồ sơ đề nghị xếp hạng của đơn vị sự nghiệp công lập (tờ trình, bảng chấm điểm, tài liệu kiểm chứng số điểm đạt được, Quyết định xếp hạng gần nhất).

Sở Nội vụ đề nghị Sở Y tế hoàn chỉnh hồ sơ và gửi về Sở Nội vụ trước ngày 01/4/2022, sau khi nhận đủ hồ sơ của Sở Y tế, Sở Nội vụ sẽ thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Sở Nội vụ đề nghị Sở Y tế phối hợp, thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD, các PGĐ Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, TCCQ.

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC  
  
Trần Thị Ái Liên

**PHỤ LỤC 1**  
**TIÊU CHUẨN VÀ BẢNG ĐIỂM XẾP HẠNG BỆNH VIỆN**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 23/2005/TT-BYT ngày 25/8/2005 của Bộ Y tế)

**I. QUY ĐỊNH CHUNG**

**A. CÁC NHÓM TIÊU CHUẨN VÀ SỐ ĐIỂM: GỒM 5 NHÓM NHƯ SAU:**

1. Nhóm tiêu chuẩn I: Vị trí, chức năng và nhiệm vụ: 10 điểm
2. Nhóm tiêu chuẩn II: Quy mô và nội dung hoạt động: 20 điểm
3. Nhóm tiêu chuẩn III: Cơ cấu lao động và trình độ cán bộ: 30 điểm
4. Nhóm tiêu chuẩn IV: Khả năng chuyên môn kỹ thuật, 20 điểm hiệu quả chất lượng công việc.
5. Nhóm tiêu chuẩn V: Cơ sở hạ tầng, trang thiết bị: 20 điểm

**B. Nguyên tắc tính điểm và xếp hạng bệnh viện:**

**1. Tính điểm:**

- a) Cho điểm theo từng tiêu chuẩn cụ thể trong bảng điểm, không vận dụng điểm trung gian.
- b) Không được tính điểm trong trường hợp thông số chưa hoàn chỉnh. Trường hợp thỏa mãn các cấp độ trong 1 tiêu chuẩn thì lấy số điểm ở cấp độ cao nhất cao nhất.
- c) Căn cứ để tham khảo tính điểm: Các báo cáo, số liệu lưu trữ của bệnh viện và qua kiểm tra thực tế.
- d) Các bệnh viện thuộc khu vực miền núi, vùng cao, hải đảo và vùng kinh tế đặc biệt khó khăn (theo quy định của Ủy ban dân tộc) được cộng thêm 02 điểm.

**2. Xếp hạng bệnh viện:**

- a) Bệnh viện Hạng I: phải đạt từ 90 điểm trở lên và thỏa mãn các điều kiện bắt buộc như qui định tại mục 4 phần B dưới đây đối với BV Hạng I.
- b) Bệnh viện Hạng II: phải đạt từ 70 đến dưới 90 điểm và thỏa mãn các điều kiện bắt buộc như qui định tại mục 4 phần B dưới đây đối với BV Hạng II.
- c) Bệnh viện Hạng III: phải đạt từ 40 đến dưới 70 điểm.
- d) Bệnh viện Hạng IV: dưới 40 điểm.
- e) Bệnh viện Hạng đặc biệt: những BV Hạng I đạt 100 điểm và thỏa mãn các tiêu chuẩn xếp hạng đặc biệt.

**3. Trình độ cán bộ:**

Căn cứ xác định trình độ cán bộ và văn bằng, chứng chỉ dựa theo Quyết định của Bộ trưởng- Trưởng ban Ban Tổ chức- Cán bộ Chính phủ (nay là Bộ Nội vụ) số 415/TCCP-VC ngày 29/05/1993 về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ ngạch công chức ngành y tế và căn cứ các văn bằng, chứng chỉ của các Trường đại học và trung học.

Đối với các bệnh viện thuộc khu vực miền núi, vùng cao, hải đảo và vùng kinh tế đặc biệt khó khăn: Trình độ ngoại ngữ của cán bộ có thể được thay bằng biết một thứ tiếng dân tộc thiểu số.

**4. Những điều kiện bắt buộc:**

Các bệnh viện được xếp Hạng I và Hạng II, bên cạnh tổng số điểm phải đạt theo các nhóm tiêu chuẩn chung, bắt buộc phải đạt được số điểm tối thiểu đối với một số tiêu chuẩn cụ thể như sau:

TT	Tiêu chuẩn	Điều kiện và điểm tối thiểu phải đạt	
		BV hạng I	BV hạng II
1	Giám đốc và các Phó giám đốc	5 điểm	4 điểm

2	Các Trưởng phòng và Phó trưởng phòng	Từ 3 điểm trở lên	Từ 2,5 điểm trở lên
3	Các Trưởng khoa và Phó trưởng khoa	4 điểm	Từ 3 điểm trở lên
4	Các Điều dưỡng/ Nữ hộ sinh/ Kỹ thuật viên trưởng các khoa lâm sàng	4 điểm	Từ 3 điểm trở lên
5	Tỷ lệ người bệnh nội trú thuộc diện chăm sóc cấp một	3 điểm	Từ 1,5 điểm trở lên
6	Trưởng phòng Điều dưỡng	đại học	đại học, cao đẳng
7	Trưởng phòng Tài chính kế toán	đại học	đại học
8	Không có chức danh y sĩ làm công tác khám bệnh, chữa bệnh	+	+

## II. CÁC TIÊU CHUẨN VÀ BẢNG ĐIỂM XẾP HẠNG BỆNH VIỆN HẠNG I, HẠNG II, HẠNG III, HẠNG IV

**A. Nhóm tiêu chuẩn I:** Vị trí, chức năng và nhiệm vụ: 10 điểm

**1. Vị trí, chức năng, chỉ đạo kỹ thuật:** 5 điểm

- Phạm vi quốc gia, khu vực (vùng, miền): 5 điểm
- Phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, ngành: 3 điểm
- Phạm vi quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh: 1 điểm

**2. Đào tạo cán bộ (là cơ sở thực hành):** 2 điểm

- Đại học và sau đại học: 2 điểm
- Trung học: 1,5 điểm
- Sơ học: 1 điểm
- Thực hiện tự đào tạo liên tục trong bệnh viện: 0,5 điểm

**3. Nghiên cứu khoa học:** 3 điểm

- Đề tài cấp Nhà nước: 3 điểm
- Đề tài cấp bộ, tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ: 2 điểm
- Đề tài cấp cơ sở: 1 điểm

**B. Nhóm tiêu chuẩn II:** Quy mô và nội dung hoạt động: 20 điểm

**1. Số giường bệnh kế hoạch:** 10 điểm

- Từ 900 giường trở lên: 10 điểm
- Từ 500 đến dưới 900 giường: 7 điểm
- Từ 300 đến dưới 500 giường: 5 điểm
- Từ 100 đến 300 giường: 3 điểm
- Dưới 100 giường: 1,5 điểm

**2. Công suất sử dụng giường bệnh:** 4 điểm

- Đạt từ 85% trở lên và ngày điều trị trung bình:

- Dưới 7/ 11/ 14 ngày đối với BV huyện/ tỉnh/ trung ương: 4 điểm
- Từ 7-8/ 11-12/ 14-15 ngày đối với BV huyện/ tỉnh/ trung ương: 3 điểm
- Trên 8 /12 / 15 ngày đối với BV huyện /tỉnh / trung ương: 2 điểm

b) Đạt từ 60 đến dưới 85% và ngày điều trị trung bình dưới 7 /11 /14 ngày đối với BV huyện / tỉnh /trung ương: 1,5 điểm

c) Không đáp ứng các tiêu chuẩn a, b trên: 1 điểm

*(Ngày điều trị bình quân của các bệnh viện: Y học cổ truyền, Điều dưỡng-Phục hồi chức năng, Tâm thần thực hiện theo quy định với mỗi loại BV như sau: BV Y học cổ truyền, BV Điều dưỡng-PHCN: không quá 30 ngày; BV Tâm thần: không quá 90 ngày )*

**3. Tỷ lệ người bệnh nội trú thuộc đối tượng chăm sóc cấp một: 3 điểm**

a) Từ 25% số người bệnh nội trú trở lên: 3 điểm

b) Từ 15 đến 24% số người bệnh nội trú: 2 điểm

c) Dưới 15% số người bệnh nội trú: 1,5 điểm

d) Dưới 10% số người bệnh nội trú: 1 điểm

**4. Tổ chức chăm sóc người bệnh: 3 điểm**

a) Từ 50% số khoa trở lên tổ chức chăm sóc toàn diện: 3 điểm

b) Dưới 50% số khoa tổ chức chăm sóc toàn diện: 1,5 điểm

**C. Nhóm tiêu chuẩn III: Cơ cấu lao động, trình độ cán bộ: 30 điểm**

**1. Cơ cấu lao động: 5 điểm**

a) - Đảm bảo tuyển đủ lao động theo định biên: 2 điểm

- Không tuyển đủ: 1 điểm

b) Tỷ lệ Điều dưỡng trên 1 Bác sỹ ở các khoa lâm sàng:

- Từ 2 trở lên: 2 điểm

- Dưới 2: 1 điểm

c) Tỷ lệ cán bộ chuyên môn của khu vực lâm sàng, cận lâm sàng và dược

- Từ 75% tổng số cán bộ, viên chức trở lên: 1 điểm

- Dưới 75% tổng số cán bộ, viên chức: 0,5 điểm

**2. Giám đốc: 3 điểm**

a) Trình độ chuyên môn sau đại học; có bằng chính trị cử nhân, cao cấp hay trung cấp; có chứng chỉ về quản lý hành chính hoặc quản lý BV; ngoại ngữ trình độ C trở lên: 3 điểm

b) Không đáp ứng tiêu chuẩn trên: 2 điểm

**3. Các Phó giám đốc: 2 điểm**

a) 100% có trình độ chuyên môn sau đại học; có bằng chính trị cử nhân, cao cấp hay trung cấp; có bằng/ chứng chỉ về quản lý hành chính, quản lý BV; ngoại ngữ trình độ C trở lên: 2 điểm.

b) Không đáp ứng các tiêu chuẩn trên: 1 điểm

**4. Các trưởng phòng và phó trưởng phòng: 4 điểm**

a) Từ 50% trở lên có trình độ sau đại học, còn lại là đại học: 2 điểm

- Dưới 50% có trình độ sau đại học, còn lại là đại học: 1,5 điểm

- Không đáp ứng các tiêu chuẩn trên: 1 điểm

b) Từ 20% trở lên có bằng/ chứng chỉ về quản lý hành chính hay quản lý bệnh viện: 1 điểm

- Dưới 20% có bằng/ chứng chỉ về quản lí hành chính hay quản lí bệnh viện: 0,5 điểm
- c) Từ 20% trở lên có bằng/ chứng chỉ chính trị trung cấp hoặc cao hơn: 0,5 điểm
- d) Từ 20% trở lên có bằng/ chứng chỉ ngoại ngữ trình độ B hoặc cao hơn: 0,5 điểm

**5. Các trưởng khoa và phó trưởng khoa: 4 điểm**

- a) Từ 60% trở lên có trình độ Tiến sĩ/ Chuyên khoa 2, còn lại là đại học: 3 điểm
- Dưới 60% có trình độ sau đại học, còn lại là đại học: 2 điểm
- 100% có trình độ đại học: 1 điểm
- b) Từ 60% trở lên có chứng chỉ ngoại ngữ trình độ B hay cao hơn: 1 điểm
- Dưới 60% trở lên có chứng chỉ ngoại ngữ trình độ B hay cao hơn: 0,5 điểm

**6. Điều dưỡng/ Nữ hộ sinh/ Kỹ thuật viên trưởng các khoa lâm sàng: 4 điểm**

- a) Từ 15% trở lên có trình độ cao đẳng, đại học, còn lại là trung học: 3 điểm
- Dưới 15% có trình độ cao đẳng, đại học, còn lại là trung học: 2 điểm
- 100% có trình độ trung học: 1 điểm
- b) Từ 30% trở lên có chứng chỉ ngoại ngữ trình độ B hay cao hơn: 1 điểm
- Dưới 30% có chứng chỉ ngoại ngữ trình độ B hay cao hơn: 0,5 điểm

**7. Các thầy thuốc điều trị ở các khoa lâm sàng: 4 điểm**

- a) Trên 50% có trình độ sau đại học, còn lại là đại học: 3 điểm
- Từ 20% đến 50% có trình độ sau đại học, còn lại là đại học: 2 điểm
- Dưới 20% có trình độ sau đại học, còn lại là đại học: 1,5 điểm
- Các trường hợp không đáp ứng các tiêu chuẩn trên: 1 điểm
- b) Từ 60% trở lên có bằng/ chứng chỉ ngoại ngữ trình độ B hoặc cao hơn: 1 điểm
- Dưới 60% có bằng/ chứng chỉ ngoại ngữ trình độ B hoặc cao hơn: 0,5 điểm

**8. Điều dưỡng, Nữ hộ sinh, Kỹ thuật viên thực hành ở các khoa lâm sàng: 4 điểm**

- a) Từ 10% trở lên có trình độ cao đẳng, đại học, còn lại là trung học: 3 điểm
- Dưới 10% có trình độ cao đẳng, đại học, còn lại là trung học: 2 điểm
- 100% có trình độ trung học: 1,5 điểm
- Các trường hợp không đáp ứng các tiêu chuẩn trên: 1 điểm
- b) Từ 30% trở lên có bằng/ chứng chỉ ngoại ngữ trình độ A trở lên: 1 điểm
- Dưới 30% có bằng/ chứng chỉ ngoại ngữ trình độ A trở lên: 0,5 điểm

**D. Nhóm tiêu chuẩn IV: Khả năng chuyên môn, kĩ thuật: 20 điểm**

**1. Xét nghiệm huyết học: 2 điểm**

- a) Thực hiện được đầy đủ các xét nghiệm thuộc chuyên khoa: 2 điểm
- b) Không đầy đủ: 1 điểm

**2. Xét nghiệm hoá sinh: 2 điểm**

- a) Thực hiện được đầy đủ các xét nghiệm thuộc chuyên khoa: 2 điểm
- b) Không đầy đủ: 1 điểm

**3. Xét nghiệm vi sinh: 2 điểm**

- a) Thực hiện được đầy đủ các xét nghiệm thuộc chuyên khoa: 2 điểm
- b) Không đầy đủ: 1 điểm

**4. Chẩn đoán hình ảnh: 2 điểm**

- a) Thực hiện được đầy đủ các xét nghiệm thuộc chuyên khoa: 2 điểm  
 b) Không đầy đủ: 1 điểm

**5. Chẩn đoán giải phẫu bệnh: 2 điểm**

- a) Thực hiện sinh thiết và xét nghiệm vi thể: 1 điểm  
 b) Thực hiện khám nghiệm tử thi khi người bệnh tử vong: 1 điểm

**6. Phẫu thuật, thủ thuật: 5 điểm**

- a) Thực hiện được tất cả các loại phẫu thuật, thủ thuật: 5 điểm  
 b) Thực hiện các phẫu thuật, thủ thuật từ Loại 1 trở xuống: 4 điểm  
 c) Thực hiện các phẫu thuật, thủ thuật từ Loại 2 trở xuống: 3 điểm  
 d) Chỉ thực hiện các phẫu thuật, thủ thuật Loại 3: 1 điểm

**7. Chẩn đoán, điều trị: 5 điểm**

- a) Tiếp nhận, chẩn đoán và điều trị tất cả các bệnh theo các chuyên khoa: 5 điểm  
 b) Còn một số bệnh chuyên khoa sâu phải chuyển các BV tuyến TW: 4 điểm  
 c) Hầu hết các bệnh chuyên khoa phải chuyển các BV tuyến trên (tuyến tỉnh, tuyến TW): 3 điểm  
 d) Chỉ điều trị các bệnh thông thường, còn lại hầu hết phải chuyển tuyến trên (tuyến tỉnh, tuyến TW): 1 điểm

**E. Nhóm tiêu chuẩn V: Cơ sở hạ tầng, trang thiết bị: 20 điểm**

TT	Tiêu chuẩn	Số điểm
1.	Nhà xây cấp II trở lên; Kiến trúc theo tiêu chuẩn xây dựng, đảm bảo cơ cấu, dây truyền hoạt động; - Không đáp ứng đầy đủ các tiêu chí trên	5 điểm 3 điểm
2.	Khu kỹ thuật (phòng mổ, hồi sức, phòng đẻ, phòng thực hiện các thủ thuật, kỹ thuật, phòng X quang...) đáp ứng tiêu chuẩn thiết kế, xây dựng - Không đáp ứng đầy đủ	2 điểm 1 điểm
3.	Đảm bảo điều kiện và tiện nghi tại các khoa, buồng bệnh: Có nước sạch, có công trình vệ sinh đảm bảo Khoa Hồi sức cấp cứu, Phòng đẻ, Phòng phẫu thuật, thủ thuật, Xét nghiệm, Chẩn đoán hình ảnh có điều hoà nhiệt độ Phòng hồi sức cấp cứu, Phòng đẻ, Phòng phẫu thuật có phương tiện gọi trực khẩn cấp Đủ phương tiện chiếu sáng, có đủ quạt máy tại các buồng bệnh	2 điểm
	- Không đầy đủ các tiêu chí trên	1 điểm
4.	Có hệ thống điện ưu tiên, an toàn, có máy phát điện dự trữ	1 điểm
5.	Đường giao thông nội bộ đảm bảo vệ sinh, an toàn và thuận lợi khi vận chuyển	1 điểm
6.	Đảm bảo cung cấp đủ nước sạch	1 điểm
7.	Có thống xử lý chất thải rắn, chất thải lỏng toàn bệnh viện đang hoạt động	1 điểm



**PHỤ LỤC 2**  
**TIÊU CHUẨN VÀ BẢNG ĐIỂM XẾP HẠNG CÁC ĐƠN VỊ Y TẾ DỰ PHÒNG**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 23/2005/TT-BYT ngày 25/8/2005 của Bộ Y tế)

**I. QUY ĐỊNH CHUNG**

**A. Các nhóm tiêu chuẩn**

1. Nhóm tiêu chuẩn I: Vị trí, chức năng và nhiệm vụ: 10 điểm
2. Nhóm tiêu chuẩn II: Quy mô và nội dung hoạt động: 25 điểm
3. Nhóm tiêu chuẩn III: Cơ cấu lao động và trình độ cán bộ: 25 điểm
4. Nhóm tiêu chuẩn IV: Khả năng chuyên môn, 20 điểm hiệu quả chất lượng công việc
5. Nhóm tiêu chuẩn V: Cơ sở hạ tầng và thiết bị: 20 điểm

**B. Nguyên tắc tính điểm và xếp hạng**

**1. Tính điểm:**

- a) Cho điểm theo từng tiêu chuẩn cụ thể trong bảng điểm ban hành kèm theo Thông tư, không vận dụng điểm trung gian.
- b) Không được tính điểm trong trường hợp thông số chưa hoàn chỉnh. Trường hợp thoả mãn các cấp độ trong 1 tiêu chuẩn thì lấy số điểm ở cấp độ cao nhất.
- c) Căn cứ để tham khảo tính điểm: Các báo cáo, số liệu lưu trữ của các đơn vị y tế dự phòng và qua kiểm tra thực tế.
- d) Các đơn vị y tế dự phòng thuộc khu vực miền núi, vùng cao, hải đảo và vùng kinh tế đặc biệt khó khăn (theo quy định của Ủy ban dân tộc) được cộng thêm 02 điểm.
- e) Giám đốc và các phó giám đốc đơn vị y tế dự phòng thuộc khu vực miền núi, vùng cao, hải đảo và vùng kinh tế đặc biệt khó khăn trình độ ngoại ngữ được thay bằng biết (nghe, nói) một thứ tiếng dân tộc thiểu số.

**2. Điểm đạt và xếp hạng đơn vị y tế dự phòng:**

- a) Đơn vị y tế dự phòng Hạng I: đạt từ 90 điểm trở lên
- b) Đơn vị y tế dự phòng Hạng II: đạt từ 70 đến dưới 90 điểm
- c) Đơn vị y tế dự phòng Hạng III: đạt từ 40 đến dưới 70 điểm
- e) Đơn vị y tế dự phòng Hạng IV: đạt dưới 40 điểm

**II. TIÊU CHUẨN VÀ BẢNG ĐIỂM XẾP HẠNG ĐƠN VỊ Y TẾ DỰ PHÒNG**

<b>A. Nhóm tiêu chuẩn I: Vị trí, chức năng và nhiệm vụ</b>	10 điểm
<b>1. Vị trí, chức năng, chỉ đạo kỹ thuật:</b> - Phạm vi khu vực (vùng, miền) - Phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, ngành - Phạm vi quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh	5 điểm 5 điểm 3 điểm 1 điểm
<b>2. Đào tạo cán bộ (là cơ sở thực hành):</b> - Đại học và sau đại học - Trung học - Sơ học - Thực hiện đào tạo liên tục trong đơn vị	2 điểm 2 điểm 1,5 điểm 1 điểm 0,5 điểm
<b>3. Nghiên cứu khoa học (hoặc tham gia):</b> - Đề tài cấp Nhà nước	3 điểm

- Đề tài cấp Bộ, tỉnh, thành phố trực thuộc TW	3 điểm
- Đề tài cấp cơ sở	2 điểm
	1 điểm
<b>B. Nhóm tiêu chuẩn II: Quy mô và nội dung hoạt động:</b>	25 điểm
<b>1. Nội dung hoạt động:</b>	10 điểm
- Thực hiện đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ y tế dự phòng (thiếu 1 chức năng, nhiệm vụ trừ 1 điểm)	10 điểm
- Chỉ thực hiện chức năng, nhiệm vụ phòng chống sốt rét- ký sinh trùng- côn trùng	8 điểm
- Chỉ thực hiện chức năng, nhiệm vụ Phòng, chống HIV/AIDS	8 điểm
- Chỉ thực hiện chức năng, nhiệm vụ Y tế lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp và tai nạn thương tích	8 điểm
- Chỉ thực hiện chức năng, nhiệm vụ kiểm dịch y tế biên giới	8 điểm
- Chỉ thực hiện chức năng, nhiệm vụ sức khoẻ môi trường	8 điểm
- Chỉ thực hiện chức năng, nhiệm vụ phòng chống bệnh xã hội.	8 điểm
- Chỉ thực hiện chức năng, nhiệm vụ dinh dưỡng và sức khoẻ cộng đồng	8 điểm
- Thực hiện đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ của một trung tâm y tế dự phòng tuyến huyện, quận	8 điểm
	6 điểm
<b>2. Địa bàn hoạt động:</b>	5 điểm
- Địa bàn hoạt động toàn quốc	5 điểm
- Địa bàn hoạt động khu vực	5 điểm
- Miền núi - Trung du Bắc bộ	4 điểm
- Tây Nguyên - Bắc Trung bộ	3,5 điểm
- Đông Nam bộ - Duyên hải miền Trung	3 điểm
- Đồng bằng sông Cửu long	3 điểm
- Đồng bằng sông Hồng	2,5 điểm
	2 điểm
	1,5 điểm
<b>3. Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động:</b>	4 điểm
- Nơi đầu mối giao thông, trung tâm văn hoá, kinh tế (quốc gia, vùng)	4 điểm
- Nơi hiện đang còn 40% dân số trở lên sống trong vùng sốt rét lưu hành hoặc bấu củ. Nơi được phân loại có tỷ lệ nhiễm HIV/AIDS cao	3 điểm
- Nơi khác (còn lại)	2 điểm
<b>4. Dân số phụ trách chăm sóc sức khoẻ ban đầu:</b>	6 điểm
- Dân số toàn quốc	6 điểm
- Dân số khu vực	6 điểm
- Dân số > 2 triệu người - 7 triệu người	5 điểm
- Dân số 1-2 triệu người	3 điểm
- Dân số < 1 triệu người	2,5 điểm
	2 điểm
<b>C. Nhóm tiêu chuẩn III: Cơ cấu lao động và trình độ cán bộ</b>	25 điểm
<b>1. Giám đốc và các phó giám đốc:</b>	7 điểm

<p><b>1.1.</b> 100% có trình độ đại học, trong đó trên 60% có trình độ sau đại học</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% có trình độ đại học, trong đó 30% có trình độ sau đại học</li> <li>- 100% có trình độ đại học</li> <li>- &lt; 100% có trình độ đại học</li> </ul>	<p>3 điểm</p> <p>2,5 điểm</p> <p>2 điểm</p> <p>1 điểm</p>
<p><b>1.2.</b> - 100% có bằng chính trị cử nhân, cao cấp hay trung cấp</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dưới 100% có bằng chính trị cử nhân, cao cấp hay trung cấp</li> </ul>	<p>1 điểm</p> <p>0,5 điểm</p>
<p><b>1.3.</b> Từ 60% trở lên có chứng chỉ quản lý hành chính</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dưới 60% có chứng chỉ quản lý hành chính</li> </ul>	<p>2 điểm</p> <p>1 điểm</p>
<p><b>1.4.</b> - Từ 60% trở lên ngoại ngữ trình độ C trở lên, còn lại là B</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dưới 60% ngoại ngữ trình độ C trở lên, còn lại là trình độ B</li> </ul>	<p>1 điểm</p> <p>0,5 điểm</p>
<p><b>2. Các trưởng phòng và phó trưởng phòng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% có trình độ đại học, trong đó trên 20% có trình độ sau đại học;</li> <li>- 60- 80% có trình độ đại học, còn lại là trung học</li> <li>- 50 - &lt; 60% có trình độ đại học, còn lại là trung học</li> <li>- &lt; 50% có trình độ đại học, còn lại là trung học</li> </ul>	<p>5 điểm</p> <p>5 điểm</p> <p>4 điểm</p> <p>3 điểm</p> <p>2 điểm</p>
<p><b>3. Các trưởng khoa và các phó trưởng khoa:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% có trình độ đại học, trong đó trên 60% có trình độ sau đại học;</li> <li>- Dưới 60% có trình độ sau đại học, còn lại là đại học</li> <li>- 100% có trình độ đại học</li> <li>- Còn cán bộ trung học làm trưởng, phó khoa</li> </ul>	<p>7 điểm</p> <p>7 điểm</p> <p>5 điểm</p> <p>3 điểm</p> <p>2 điểm</p>
<p><b>4. Cơ cấu lao động:</b> - Tỷ lệ cán bộ Y tế/ lao động khác:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ 60% - 80%</li> <li>+ 40% - 59%</li> <li>+ &lt; 40%</li> </ul>	<p>6 điểm</p> <p>6 điểm</p> <p>5 điểm</p> <p>4 điểm</p>
<p><b>D. Nhóm tiêu chuẩn IV: khả năng chuyên môn, hiệu quả chất lượng công việc</b></p>	<p>20 điểm</p>
<p><b>1. Hiệu quả, chất lượng nghiên cứu khoa học (3 năm liền kề):</b></p>	<p>10 điểm</p>
<p><b>1.1.</b> Kết quả nghiên cứu khoa học đã được nghiệm thu và triển khai ở quy mô sản xuất thử hoặc đã ứng dụng thực tiễn (so với tổng số đề tài đăng ký):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- &gt; 70% số đề tài đã nghiệm thu và được ứng dụng</li> <li>- 51% - 70% số đề tài đã nghiệm thu và được ứng dụng</li> <li>- 31% - 50% số đề tài đã nghiệm thu và được ứng dụng</li> <li>- &lt; 31% số đề tài đã nghiệm thu và được ứng dụng</li> </ul>	<p>6 điểm</p> <p>6 điểm</p> <p>5 điểm</p> <p>4 điểm</p> <p>3 điểm</p>
<p><b>1.2.</b> Kết quả nghiên cứu đã được nghiệm thu nhưng chưa được ứng dụng (so với tổng số đề tài đã được nghiệm thu):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- &gt; 70% số đề tài đã được nghiệm thu có kết quả</li> </ul>	<p>4 điểm</p> <p>4 điểm</p>

- 51% - 70% số đề tài đã nghiệm thu có kết quả	3 điểm
- <51% số đề tài đã nghiệm thu có kết quả	2 điểm
<b>2. Kết quả thực hiện kế hoạch hàng năm (3 năm liền kề):</b>	6 điểm
- Hoàn thành xuất sắc các mục tiêu, kế hoạch hàng năm	6 điểm
- Hoàn thành đạt các mục tiêu kế hoạch hàng năm	5 điểm
<b>3. Hiệu quả, khả năng sử dụng máy móc, trang thiết bị cho nghiên cứu khoa học và chỉ đạo chuyên môn kỹ thuật:</b>	4 điểm
- 80 - 100%	4 điểm
- 60% - 79%	3 điểm
- < 60%	2 điểm
<b>E. Nhóm tiêu chuẩn V: Cơ sở hạ tầng và thiết bị</b>	20 điểm
<b>1. Nhà xây cấp I, II. Kiến trúc theo tiêu chuẩn xây dựng, đảm bảo cơ cấu, dây chuyền hoạt động hợp lý;</b>	5 điểm
- Không đáp ứng tiêu chuẩn trên	3 điểm
<b>2. Phòng thí nghiệm đạt tiêu chuẩn:</b>	5 điểm
- Cơ sở kiên cố, đủ ánh sáng, thông khí tốt, độ ẩm thích hợp	3 điểm
- Có chế độ bảo dưỡng máy, thiết bị	
- Đảm bảo an toàn về điện, nước ổn định	
- Điều kiện vệ sinh, an toàn không gây ô nhiễm môi trường	
- Không đáp ứng tiêu chuẩn trên;	
<b>3. Các khoa, phòng xây dựng liên hoàn, có bảng, tên viện, trung tâm, các khoa phòng;</b>	2 điểm
- Không đáp ứng tiêu chuẩn trên	1 điểm
<b>4. Có kho bảo quản vật tư, hoá chất, dây chuyền lạnh.</b>	2 điểm
- Không đáp ứng tiêu chuẩn trên;	1 điểm
<b>5. Có môi trường cây xanh, cảnh quan tốt, có hàng rào ngăn cách, cổng xây, có hệ thống cống rãnh tốt;</b>	1 điểm
- Không đáp ứng;	0,5 điểm
<b>6. Trang thiết bị:</b>	5 điểm
- Đảm bảo đủ trang thiết bị theo quy định;	5 điểm
- Không có đủ trang thiết bị theo quy định.	3 điểm